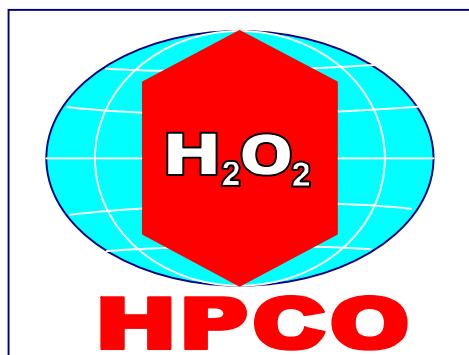


CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC

CÔNG TY CỔ
PHẦN HÓA
CHẤT HÙNG
PHÁT HÀ BẮC

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ
BẮC
DN: c=VN, st=BẮC GIANG, l=TP BẮC
GIANG, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA
CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC,
o=B.2342.15200300.100.1, f=MST24
00395807
Date: 2018.05.02 17:05:09 +07'00'



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

BẮC GIANG – 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh	:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016.
Vốn điều lệ	:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại	:	0204 3526 066
Số fax	:	0204 3526 066
Website	:	http://hungphathabac.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc nằm ở phía Bắc thành phố Bắc Giang, phía Đông và phía Bắc giáp Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, phía Nam giáp phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang và phía Tây giáp Công ty cổ phần Than hoạt tính Trường Phát.

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008. Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có

công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,... bên cạnh đó Công ty cũng kinh doanh thương mại các sản phẩm phân bón, hóa chất khác như Urea, Kali, NPK.

Là một trong những đơn vị sản xuất ô xy già đầu tiên tại Việt Nam, sau 10 năm thành lập với mục đích sản xuất kinh doanh ô xy già và kinh doanh phân bón hóa chất, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là triển khai đầu tư xây dựng Dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và bắt đầu chạy thử từ cuối năm 2011, đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã dần tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối đã bắt đầu được hình thành rộng khắp cả nước. Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

➤ **Các sự kiện khác:**

Ngày 05/08/2009, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 04/12/2017, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 219/2017/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.400.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

• **Ngành nghề kinh doanh:**

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa.
- Sản xuất H_2O_2 .
- Mua bán H_2O_2 , phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh.

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.

Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.

Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Kinh doanh vận tải hàng hóa.

Kinh doanh bất động sản.

Xây dựng nhà các loại.

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoàn thiện công trình xây dựng.

Lắp đặt hệ thống điện.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.

Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí.

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Xây dựng công trình giao thông.

- **Địa bàn kinh doanh:**

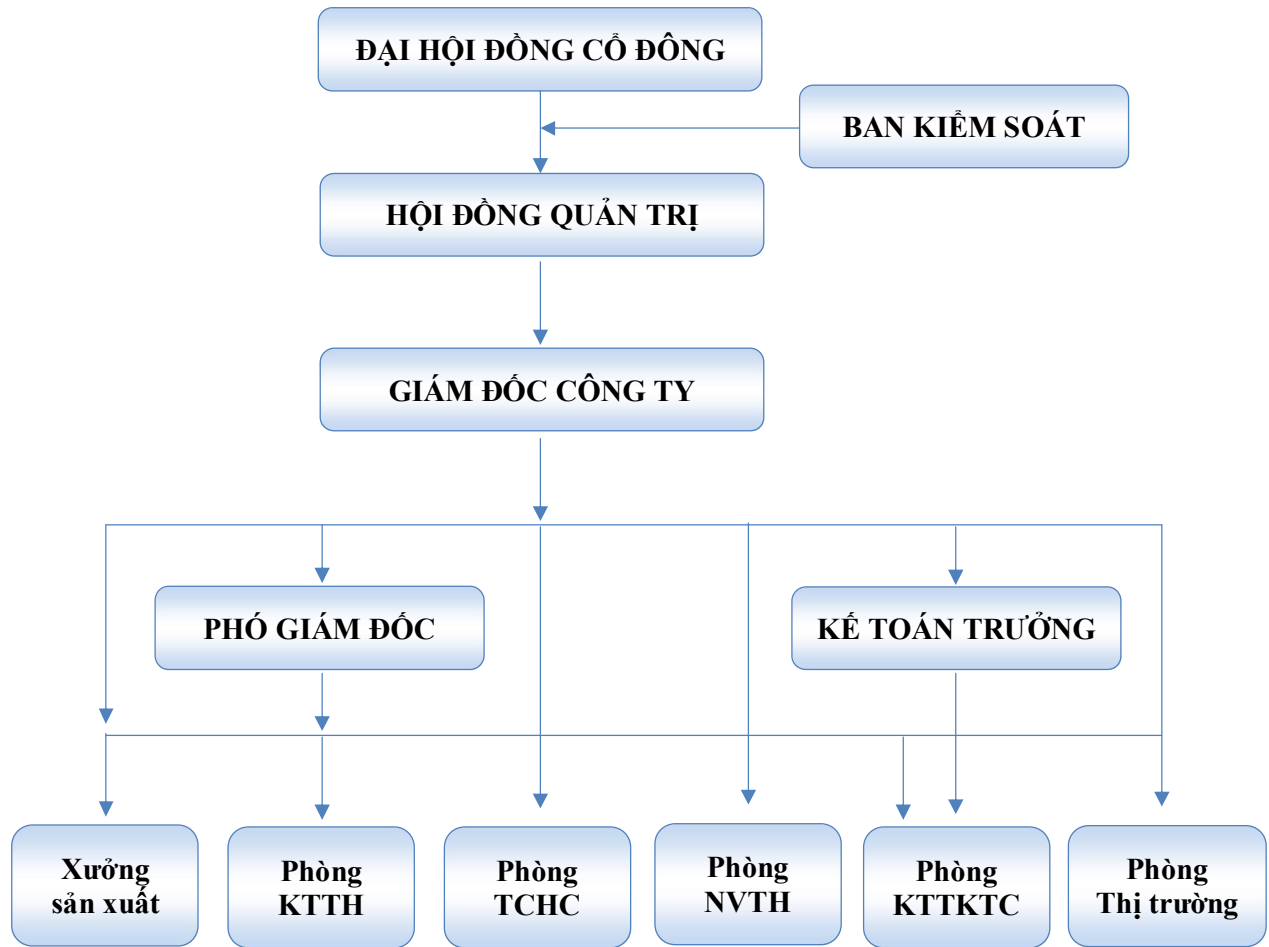
Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty như sau:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



➤ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban Kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Các Phòng chuyên môn thuộc Công ty
- Xưởng sản xuất

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt

động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 (chín mươi) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty

Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh thường kỳ cho Giám đốc.
- Chỉ đạo trực tiếp phòng Kỹ thuật tổng hợp và Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Kỹ thuật tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật trong việc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kỹ thuật, An toàn và Vệ sinh môi trường.

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư.

Phòng Tổ chức – Hành chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý: Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực Kế toán - Thống kê - Tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Phòng Thị trường

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến công tác tiêu thụ và phát triển thị trường, các chuyên môn nghiệp vụ trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%

➤ **Danh sách công ty con của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

➤ **Danh sách những công ty mà Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

➤ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

5. Định hướng phát triển:

➤ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- **Về công tác thị trường:** Trong quá trình hội nhập kinh tế thị trường như hiện nay, việc khẳng định thương hiệu và tăng trưởng thị phần là mục tiêu mà Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đặt lên hàng đầu. Vì vậy, Công ty đã luôn nỗ lực củng cố và hoàn thiện các chiến lược kinh doanh, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng đồng thời phát huy và giữ vững thế mạnh thị trường vốn có, đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu sản phẩm của Công ty.

- **Về sản xuất:** Trước yêu cầu cao về mặt chất lượng sản phẩm của Thị trường, Công ty luôn cố gắng củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

➤ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định trực tiếp đến sự tăng trưởng của doanh nghiệp. GDP tăng trưởng cao và ổn định sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh và nhu cầu đầu tư mở rộng trong nhiều lĩnh vực, các nhóm ngành công nghiệp và nông nghiệp nói chung và các nhóm ngành sử dụng ô xy già như công nghiệp sản xuất giấy, dệt nhuộm, điện tử, xử lý môi trường, thực phẩm, công nghiệp nhẹ, mây tre đan ... nói riêng có thêm điều kiện và cơ hội phát triển, theo đó các nhu cầu về ô xy già – sản phẩm chính của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng gia tăng. Ngược lại tốc độ phát triển của ngành và của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực từ một nền kinh tế suy thoái, tốc độ tăng trưởng chậm do nguồn vốn đầu tư và nhu cầu đối với các sản phẩm đầu ra suy giảm.

➤ **Lãi suất**

Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng thường xuyên sử dụng một kênh huy động vốn truyền thống là tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, đặc biệt là vay tín dụng bằng đồng đô la mỹ (USD). Do đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận mà Công ty đạt được.

➤ **Lạm phát**

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo.

Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu. Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiềm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ sản xuất của Công ty như chi phí điện, nước, chi phí nguyên vật liệu, ... đều có xu hướng gia tăng, qua đó gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ **Tỷ giá hối đoái**

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và phải nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu từ nhà thầu nước ngoài, việc thanh toán các chi phí đầu vào này được thực hiện bằng đồng USD, bên cạnh đó Công ty cũng phải nhận nợ bằng đồng USD từ Ngân hàng để thanh toán cho nhà thầu, do đó mọi sự biến động về tỷ giá hối đoái – đặc biệt là tỷ giá đồng USD đều sẽ ảnh hưởng đến việc ghi nhận giá trị bằng đồng Việt Nam đối với các khoản vay nợ USD của Công ty.

Ngoài tác động nêu trên, mặc dù doanh thu hiện nay của Công ty không trực tiếp gắn liền với ngoại tệ vì trước mắt các sản phẩm Công ty sản xuất và kinh doanh được tiêu thụ tại thị trường trong nước, tuy nhiên với quan điểm không ngừng mở rộng hoạt động kinh doanh, nhiều khả năng việc xuất nhập khẩu sản phẩm sản xuất kinh doanh đối với Công ty có thể xảy ra trong tương lai, chính vì thế trong thời gian qua Công ty vẫn quan tâm nghiên cứu và tăng cường các chính sách nhằm chủ động đối phó với những biến động về tỷ giá hối đoái có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần đại chúng hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung, lại chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới, ... của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành như luật hóa chất, luật thuế, ... đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

6.3. Rủi ro cạnh tranh

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là một trong những đơn vị đầu tiên trong nước sản xuất Hydrogen Peroxide, công thức hóa học là H_2O_2 , tên thương mại là ô xy già. Từ trước năm 2013, phần lớn nhu cầu về ô xy già trong nước được nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc và Đài Loan,... do đó trong giai đoạn này Công ty chủ yếu phải đối mặt với sức ép cạnh tranh từ các nhà nhập khẩu trong nước và các nhà sản xuất nước ngoài, tuy nhiên sản phẩm ô xy già của Công ty có nhiều ưu thế hơn sản phẩm nhập khẩu về chi phí vận chuyển, tiến độ cung cấp và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất bột giấy, dệt nhuộm, điện tử, thủ công mỹ nghệ,... nên đã tạo được lợi thế cạnh tranh và góp phần đem lại vị thế của Công ty trên thị trường. Mặc dù vậy, với dự báo nhu cầu tiêu thụ ô xy già trong nước sẽ ngày càng lớn, thời gian vừa qua một số doanh nghiệp trong cùng ngành đã bắt đầu quan tâm nghiên cứu đầu tư dự án sản xuất ô xy già và khả năng trong tương lai sẽ xuất hiện thêm nhiều nhà cung cấp nội địa, kéo theo đó sẽ là sự gia tăng rủi ro cạnh tranh cho Công ty. Đối với các sản phẩm khác như phân bón hóa chất, vật tư và các sản phẩm phục vụ ngành nông nghiệp – một trong những ngành kinh tế then chốt của đất nước, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trong cùng ngành về thị trường, chủng loại mặt hàng và giá cả đầu ra. Để tồn tại, phát triển bền vững và chủ động trước các sức ép cạnh tranh ngày càng lớn, Công ty đã, đang và sẽ không ngừng đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển ổn định trong tương lai.

6.4. Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H_2) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí thải H_2 cung cấp cho sản xuất, nhận thức được điều này, trong thời gian qua Công ty đã tăng cường nghiên cứu và tìm kiếm các giải pháp hợp lý để hạn chế rủi ro từ nguồn cung cấp nguyên vật liệu nêu trên.

6.5. Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, các biến động của chính trị - xã hội ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2017, Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty lãi 7,3 tỷ. Sản lượng ô xy già quy nồng độ 50%: Tiêu thụ đạt 8.568 tấn = 100,2% so với KH năm; sản xuất đạt 8.155 tấn = 95,9% so với KH năm. Lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 là: 2,73 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Bà Thân Thị Hà	Phụ trách kế toán
Ông Trần Đức Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức -Hành chính
Ông Lê Thanh Hiếu	Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc Xưởng sản xuất
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường

(1) Ông Phạm Hoàng Hưng - Giám đốc Công ty:

Họ và tên : Phạm Hoàng Hưng
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 27/05/1972
Nơi sinh : Huyện Mường Tè, Tỉnh Lai Châu
CMND/ Hộ chiếu : 145410250
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 29/6/2007
Nơi cấp : CA. Hưng Yên
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số nhà 194- đường Nguyễn Văn Linh- Thành phố Hưng Yên - Tỉnh Hưng Yên.

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư hóa vô cơ

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
7/1994-5/4/1995	Tập sự công nhân cơ khí, Phân xưởng 605- Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
6/4/1995-14/3/1999	Công nhân cơ khí, xưởng NH ₃ , Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Từ T4/1995-3/1999 đi học đại học chính quy, ngành công nghệ hóa vô cơ tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
15/3/1999-13/10/1999	Tập sự kỹ thuật viên công nghệ tại xưởng NH ₃ - Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
14/10/1999-10/2000	Tập sự kỹ thuật viên công nghệ tại phòng Điều độ sản xuất, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
11/2000-18/2/2001	Kỹ thuật viên công nghệ tại phòng Điều độ sản xuất, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
19/2/2001-9/2010	Trưởng ca Công ty, phòng Điều độ sản xuất, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
01/10/2010-9/2014	Phó trưởng phòng phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (Nay là CTCP Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc)
01/10/2014-14/02/2016	Phó Giám đốc Xưởng A mô ni ắc 2-Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (Nay là CTCP Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc)
15/2/2016-17/3/2016	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
18/3/2016- đến nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
3/2016- đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hóa chất

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
năm 1991 đến năm 1995	Kỹ thuật viên tại Nhà máy cơ khí, xí nghiệp liên hợp phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 1995 đến năm 2000	Quản đốc phân xưởng Giấy đề thuộc Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp II thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
năm 2000 đến năm 2004	Giám đốc Xí nghiệp Giấy đề thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 2004 đến năm 2005	Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình
năm 2005 đến năm 2010	Chuyên viên phòng Đầu tư Xây dựng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm Và Hóa chất Hà Bắc
năm 2010 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Phó Giám đốc
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,047% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,047% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(3) Bà Thân Thị Hà – Phó trưởng phòng - Phụ trách Phòng KT-TK-TC

Họ và tên : **Thân Thị Hà**
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 05/02/1984

Nơi sinh : Xóm Chiền - Xã Nội Hoàng - H.Yên Dũng - T. Bắc Giang

CMND/ Hộ chiếu : 121516592

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 30/06/2015

Nơi cấp : CA.Bắc Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số nhà 73- Thôn Mỹ Cầu-Xã Tân Mỹ - TP. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
T5/2009 đến T8/2016	Kế toán viên Phòng KT-TK-TC Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T9/2016 đến nay	Phó trưởng phòng Phòng KT-TK-TC Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T11/2016— đến nay	Phụ trách Phòng KT-TK-TC Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Phó trưởng phòng - Phụ trách Phòng KT-TK-TC

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(4) Ông Trần Đức Tuấn - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính:

Họ và tên : **Trần Đức Tuấn**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 15/7/1961
Nơi sinh : Hải Phòng
CMND/ Hộ chiếu : 120011416
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 11/11/2005
Nơi cấp : CA Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số 315 Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 01/1986 - 12/1988	CNVH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 01/1989 - 07/1997	Trưởng kíp VH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 8/1997 - 04/2000	Kế toán tổng hợp, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2000 - 04/2010	Chuyên viên LĐTTL, phòng TCNS, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2010 - 09/2011	Phó phòng, Phụ trách phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 10/2011 - Nay	Trưởng phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Trưởng phòng TCHC
Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ : 11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(5) Ông Lê Thanh Hiếu - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên : **Lê Thanh Hiếu**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 22/8/1961
 Nơi sinh : Lâm Thao, Phú Thọ
 CMND/ Hộ chiếu : 120015814
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 17/5/2005
 Nơi cấp : CA Bắc Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 37 khu phố Hà Vị 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1982 - 1986	Bộ đội thuộc E51 – Quân khu I
Từ năm 1986 - 1993	Công nhân cơ khí, nhà máy cơ khí hóa chất Hà Bắc
Từ năm 1993 - 2008	Chuyên viên Kế hoạch tại phòng kế hoạch Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ năm 2008 đến nay	Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Chức vụ tại công ty : Trưởng phòng NVTH
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(6) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp:

Họ và tên : **Nguyễn Văn Tuấn**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 10/9/1971
 Nơi sinh : Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
 CMND/ Hộ chiếu : 122029516
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 12/12/2008
 Nơi cấp : CA Bắc Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư hóa
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1992 - 1993	Công nhân Xưởng Tạo khí, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Từ 1993 - 1996	Học tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Từ 1996 - 2007	Trưởng ca Công ty, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2007 - 2008	Kỹ thuật viên, Phòng kỹ thuật Công nghệ, Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 - 2010	Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc
Từ 2010 - nay	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Trưởng phòng KTTH
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(7) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên : **Hoàng Văn Hùng**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 09/3/1967
 Nơi sinh : Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 CMND/ Hộ chiếu : 120926352

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 3/11/2005
 Nơi cấp : CA Bắc Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư công nghệ hóa học
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1991 – 1/1998	Trưởng ca Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 1/1998 – 8/1998	Phó quản đốc Xưởng giấy, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 8/1998 - 2005	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh, Công ty Xăng dầu khu vực 1
Từ 2005 - 2010	Chuyên viên Phòng KTCN, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2010 - Nay	Giám đốc xưởng sản xuất, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Giám đốc xưởng SX
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(8) Ông Nguyễn Quang Tuấn - Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường:

Họ và tên : **Nguyễn Quang Tuấn**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 05/02/1963
Nơi sinh : Á Lữ, Trần Phú, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu : 120014249
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 22/11/2005
Nơi cấp : CA Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số nhà 235, Đường Nguyễn Thị Lưu 2, Ngõ Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1981 – 1986	Công nhân xưởng Nhiệt, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1986 – 1993	Công nhân xưởng sản xuất tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 2008	Nhân viên phòng Thị trường, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 – 7/2010	Nhân viên Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 7/2010 – 3/2013	Phó phòng, Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 3/2013 - Nay	Phó phòng, Phụ trách phòng thị trường, Công ty

	cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
--	-----------------------------------

Chức vụ tại công ty	: Phó phòng- Phụ trách phòng TT
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	: 5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2017 là 61 người.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao

động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC đã phát hành các Báo cáo kiểm toán quyết toán Dự án hoàn thành. Ngày 24/12/2014, HĐQT đã phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

<i>Đơn vị: đồng</i>			
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm năm 2017 so với 2016
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	176.688.503.693	168.217.659.697	-4,79%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.933.261.818	57.325.478.094	6,29%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.458.749.823	7.315.919.332	110,52%
4. Lợi nhuận khác	641.699.497	16.375.887	-97,45%
5. Lợi nhuận trước thuế	4.100.449.320	7.332.295.219	78,82%
6. Lợi nhuận sau thuế	4.100.449.320	7.332.295.219	78,82%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2016	2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,60	1,33

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2016	2017
(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)			
- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,32	0,91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,55	0,48
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	1,22	0,94
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5,23	6,23
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,31	0,34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,08	0,13
- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,05	0,08
- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,023	0,044
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	0,06	0,13

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2017):

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
----	----------	------------	-----------

A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	69.828.000	83,13
2	- Cổ đông lớn (*):	69.828.000	83,13
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	1,19
B	Trong đó:	84.000.000	100
1	- Nhà nước:	54.230.000	64,56
2	- Người nước ngoài:	0	0
3	- Người Việt Nam khác (không gồm Nhà nước):	29.770.000	35,44

➤ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2017):**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
1	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	999.800	11,90%
3	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	0102014919	560.000	6,67%

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
1	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	2.856.000 (*)	51,00%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	560.000 (**)	10,00%
3	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	0102014919	560.000	10,00%

(*) Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

đang nắm giữ 5.423.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 64,56% vốn điều lệ của Công ty.

(**) Tại thời điểm 31/12/2017, CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh đang nắm giữ 999.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,902% vốn điều lệ của Công ty.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty trong năm 2017 là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng).

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

(Phần I. Kết quả thực hiện)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2017	31/12/2017	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	176.688	168.217	-8.471	16,05%
- Tài sản ngắn hạn	17.482	21.678	4.196	24,00%
- Tài sản dài hạn	159.206	146.539	-12.667	-7,96%
Nguồn vốn	176.688	168.217	-8.471	-7,02%
- Nợ phải trả	97.251	81.448	-15.803	-16,25%
- Vốn chủ sở hữu	79.437	86.769	7.332	9,23%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty tổ chức sản xuất theo 3 ca, 4 kíp, biên chế lao động vào các cương vị sản xuất và duy trì sản xuất ổn định trong năm qua. Để có nhân lực điều khuyết khi có người nghỉ phép, nghỉ chế độ, Công ty triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau và tổ chức chế độ 3 ca, 3 kíp đối với các cương vị có người nghỉ.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động với việc chấp hành nội quy, quy định của Công ty, kết hợp với việc tuyên truyền vận động CNVC tự giác chấp hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

(Phần II. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018 và các giải pháp thực hiện)

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động N2017 và định hướng N2018.

(Phần I. Báo cáo hoạt động năm 2017)

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm qua, HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành tuân thủ nghiêm túc Điều lệ công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp theo định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty. HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến triển khai Dự án đầu tư, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện Dự án các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. Tại các cuộc họp này, HĐQT đã đề nghị Giám đốc công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

Năm 2017, Qua kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi

vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, cơ chế hoạt động của Công ty quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động N2017 và định hướng N2018

(Phần II. Định hướng hoạt động 2018).

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Chu Anh Dũng Chủ tịch HĐQT		2.520.000	2.520.000	30,00
2	Nguyễn Tổng Luận Thành viên HĐQT	3.093	1.764.000	1.767.093	21,037
3	Phạm Hoàng Hưng Thành viên HĐQT		1.139.000	1.139.000	13,56
4	Trần Văn Quế Thành viên HĐQT		560.000	560.000	6,667
5	Nguyễn Minh Toàn Thành viên HĐQT		999.800	899.800	11,902
Tổng cộng		3.093	6.982.800	6.985.893	83,166

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thu Nga Trưởng ban kiểm soát				
2	Lê Thanh Hiếu Thành viên Ban kiểm soát	3.500	0	3.500	0,042
3	Nguyễn Thị Thanh Vân Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
	Tổng cộng	3.500	0	3.500	0,042

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục 4: Báo cáo của Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 1000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 800.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 800.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số **Thông tư 95/2017/TT-BTC** ngày 22/9/2017 của Bộ Tài. Chính của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục 5: Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

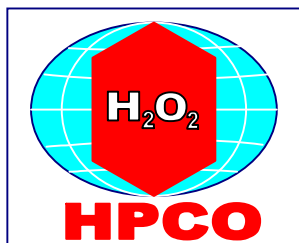
GIÁM ĐỐC CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017
VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2018**

Bắc Giang, Năm 2018

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
Của HĐQT về hoạt động năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2017
Và định hướng những năm tiếp theo
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

I- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017, NHIỆM KỲ 2013-2017.

1. Tình hình chung.

Năm 2017:

Thuận lợi:

Dây chuyền thiết bị sản xuất hoạt động ổn định, phát huy tốt công suất thiết bị khi chạy máy ổn định.

Sản phẩm của Công ty tiêu thụ tốt, đã có được thị phần ổn định trên thị trường.

Khó khăn:

Việc thực hiện Kế hoạch SX-KD của Công ty bị ảnh hưởng rất lớn do phụ thuộc việc cấp một số nguyên liệu đầu vào từ Đạm Hà Bắc.

Xúc tác Paladi vào cuối chu kỳ sử dụng, hoạt tính giảm làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả sản xuất.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị Công ty đã có định hướng và ra các quyết định chỉ đạo đưa Công ty vượt qua khó khăn, để hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Nhiệm kỳ 2013-2017:

Công ty kết thúc giai đoạn làm *Dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất Hydrogen peroxide (H_2O_2) công suất 10.000 tấn/năm nồng độ 50%*, bắt đầu tiếp nhận dây chuyền đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn rất khó khăn. Khủng hoảng kinh tế kéo dài, đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các ảnh hưởng đó tác động đến nhiều mặt từ tỷ giá ngoại tệ, lãi suất tiền vay, nguyên, nhiên liệu đầu vào sản phẩm đầu ra v.v... đã gây ra không ít khó khăn cho Công ty.

Căn cứ vào khả năng và thực tế cụ thể từng giai đoạn, Hội đồng quản trị Công ty đã có các định hướng và các quyết định chỉ đạo Công ty giải quyết các khó khăn qua từng bước, từng giai đoạn để hoạt động Công ty vượt qua các khó khăn, đến nay SX-KD đã có hiệu quả.

2. Công tác chỉ đạo điều hành:

Năm 2017, thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

a. Thông qua các quyết định theo Quy chế hoạt động của Công ty.

- Kiện toàn nhân sự trong HĐQT: miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, bầu chủ tịch HĐQT mới.

- Tham vấn nhân sự Ban kiểm soát: miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên BKS, bầu Trưởng BKS mới.

- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Giao KH định mức nguyên nhiên vật liệu trong SX H₂O₂ năm 2017.

- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

- Chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Giám đốc Công ty.

+ Làm các thủ tục để đưa cổ phiếu Công ty lên sàn UPCOM;

+ Làm việc với ngân hàng, tái cơ cấu trả nợ ngân hàng để đảm bảo dòng tiền duy trì hoạt động SXKD;

+ Rà soát hệ thống Quy chế quản lý nội bộ, thảo luận thông qua các quy chế: ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản trị nội bộ để trình ĐHĐCĐ thông qua.

b. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

- Chuẩn bị tốt các phương án vận hành; quản lý tốt lao động; củng cố các thiết bị vận hành, thiết bị dự phòng; tận dụng tối đa quỹ thời gian chạy máy, điều hành chạy máy với công suất và sản lượng cao, không để ngừng sản xuất do chủ quan; giám sát tốt chất lượng sản phẩm; giảm định mức tiêu hao (đặc biệt là điện, hơi nước, khí Hydro) đảm bảo SX-KD hiệu quả cao nhất.

- Làm tốt công tác phối hợp điều hành sản xuất với Đạm Hà Bắc để đảm bảo việc cung cấp nguyên liệu đầu vào đúng tiêu chuẩn chất lượng và ổn định theo hợp đồng đã ký.

- Năm 2017, Công ty đã điều hành hợp lý dây chuyền vào sản xuất, đạt sản lượng cao trong thời gian chạy máy.

2. Công tác thị trường:

- Cơ cấu lại thị trường tiêu thụ theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm ở miền Bắc để giảm chi trợ cước vận chuyển. Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm loãng (có hiệu quả hơn so với sản phẩm đặc), chủ động kiểm soát thị trường, điều chỉnh giá bán sản phẩm linh hoạt để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Sản phẩm sản xuất ra đến đâu đã tiêu thụ hết đến đó.

3. Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính:

- Tiết giảm các chi phí: kiểm soát chặt chẽ giá vật tư đầu vào; tạm dừng các khoản đầu tư chưa cần thiết;
- Tích cực làm việc với các ngân hàng để có được các chính sách hỗ trợ về tài chính

4. Công tác Tổ chức, lao động tiền lương:

Rà soát lại hệ thống quy chế nội bộ, bổ sung sửa đổi cho phù hợp.

Cân đối bố trí lao động hợp lý, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Trong nhiệm kỳ 2013-2017, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm giao, HĐQT thường xuyên triển khai các công việc sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và kế hoạch tài chính hàng năm.

- Chỉ đạo Công ty xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ luật pháp và có hiệu quả nhất đối với Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm.

Một số chỉ tiêu chính:

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	2013	2014	2015	2016	2017
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	50,751	67,07	56,314	60,811	58,72
2	Sản lượng sản xuất (quy về nồng độ 50%)	Tấn	7.048	9.315	7.821	8.446	8.155
3	Doanh thu bán hàng: - DT Sản phẩm H ₂ O ₂	Tỷ đồng	79,188 45,257	68,837 57,948	58,646 52,937	53,876	57,273
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-5,898	0,5	-9,426	4,1	7,326
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2,014	3,019	3,16	3,123	3,478

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

Trong nhiệm kỳ vừa qua mặc dù có rất nhiều biến động về nhân sự, trong đó nhiều lần thay đổi thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, cũng như Giám đốc công ty. HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. HĐQT đã đề nghị Giám đốc Công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

Trong nhiệm kỳ qua, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

II- ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO.

1. Công tác điều hành SXKD.

- Chỉ đạo Công ty khai thác tối đa năng lực thiết bị dây chuyền vận hành đảm bảo các thông số kỹ thuật, đúng chất lượng; tận dụng hết khả năng quỹ thời gian chạy máy.

- Chỉ đạo điều hành SX-KD cân đối sản lượng sản xuất và sản lượng hàng bán ra thị trường đảm bảo thực hiện phương án có hiệu quả nhất và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với các nhiệm vụ chính:

- + Sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.
- + Chiếm lĩnh, chủ động thị trường H₂O₂ miền Bắc.
- + Thay đổi tỷ trọng cơ cấu sản phẩm đối với sản phẩm loãng và sản phẩm đặc theo hướng có hiệu quả kinh tế cao.
- + Chủ động và linh hoạt điều chỉnh giá bán sản phẩm căn cứ theo sát nhu cầu thị trường trong từng thời điểm.
- Kiểm soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính Công ty.

- Phê duyệt và giao Kế hoạch SX_KD, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu và định biên lao động theo sát với khả năng điều kiện thực tế.

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Giá trị sản lượng	1000 đồng	61.920.000
2	Sản lượng H ₂ O ₂ (quy về nồng độ 50%)	tấn	8.600
3	Doanh thu	1000 đồng	62.535.000
4	Lợi nhuận trước thuế	“	5.887.781
5	Nộp ngân sách nhà nước	“	3.729.292
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	240
7	Cổ tức (dự kiến)	%	0

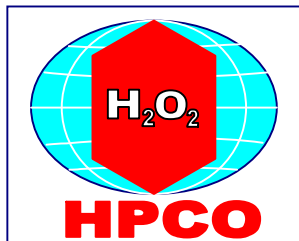
Hội đồng quản trị công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Chúng tôi hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Chu Anh Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017**

Bắc Giang, Năm 2018

Bắc Giang, ngày 15 tháng 1 năm 2018

PHẦN THỨ NHẤT
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2017**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Thiết bị dây chuyền sản xuất vận hành ổn định, tiêu thụ sản phẩm tốt;
Lãi suất và tỷ giá đồng Đô la Mỹ ổn định so với cuối năm 2016;

2. Khó khăn

Thời gian dừng máy trong năm 2017 là 116,6 ngày mà nguyên nhân chính là do không có khí nguyên liệu hydro, điện, hơi nước ...

Giá Ôxy gia nhập khẩu vào Việt Nam trong năm 2017 vẫn giữ ổn định ở mức thấp, giá nguyên liệu đầu vào như hơi nước, nước khử khoáng, nước công nghiệp, nước sinh hoạt tiếp tục tăng so với năm 2016.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với (%)	
					KH năm	Cùng kỳ
*	Thời gian sản xuất	ngày	265	248,4	93,7	95,8
I	Sản lượng sản phẩm					
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	8.500	8.155,41	95,9	96,6
1.1	Ôxy già 50%	tấn	8.250	7.306,61	88,6	88,9
1.2	Ôxy già 35%	tấn	200	285,40	142,8	125,8
1.3	Ôxy già 30%	tấn		267,44	-	-
1.4	Ôxy già 27,5%	tấn	200	888,29	444,1	672,7
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)		8.550	8.568,10	100,2	106,0
2.1	Ôxy già 50%	tấn	8.300	7.719,12	93,0	98,3
2.2	Ôxy già 35%	tấn	200	285,65	142,8	123,6
2.3	Ôxy già 30%	tấn		267,44	-	-
2.4	Ôxy già 27,5%	tấn	200	888,29	444,1	672,7
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	61.200.000	58.720.257	95,9	96,6
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.514.701	3.478.063	138,3	111,4

IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	1.286.605	231.000	18,0	-
V	Đầu tư, xây dựng					
1	Số hạng mục	Cái	1	1	100,0	-
2	Giá trị	1000 đ	480.000	444.374	92,6	-
VI	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	-423.304	-1.541.835	364,2	63,7
VII	Lao động tiền lương					
1	Tổng số lao động BQ năm	người	68	61	88,2	92,3
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	100,0	100,0
1.2	Người lao động	người	65	58	87,7	91,9
2	Tổng quỹ lương theo đơn giá	1000 đ	4.311.852	4.331.005	100,4	106,3
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	5.528.016	6.222.708	114,5	115,7
VII	Doanh thu bán hàng H2O2	1000 đ	57.020.000	57.273.271	100,4	106,3
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	1.312.856	7.326.761	557,5	178,5
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	156	872	558,3	178,5

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức, chất lượng sản phẩm:

Công tác quản lý sản xuất: Trong năm duy trì sản xuất 248,4 ngày, tổng số lần ngừng máy là 29 lần với 116,6 ngày, trong đó có 3 lần ngừng máy theo kế hoạch của Công ty đậm là 74 ngày; 7 lần ngừng máy do sự cố thiết bị của Công ty đậm là 28,7 ngày; 15 lần ngừng máy do sự cố dao động lưới điện quốc gia là 10,1 ngày, 4 lần ngừng máy do sự cố thiết bị, công nghệ của Công ty là 3,8 ngày. Công suất dây chuyền sản xuất Ôxy già của Công ty đạt bình quân 32,83 tấn/ngày.

Công tác quản lý công nghệ: Công nghệ sản xuất của Công ty được duy trì ổn định, quản lý tốt việc bổ sung hóa chất pha chế dịch công tác và thời điểm thay ôxit nhôm hoạt tính, góp phần cải thiện nâng cao chất lượng dịch công tác. Kết hợp đợt dừng máy đợt 1 từ 9/1 đến 10/2/2017 của Đạm Hà Bắc, Công ty đã tổ chức tháo dỡ toàn bộ xúc tác Paladi để sàng loại bỏ bụi, tái sinh và hoạt hóa xúc tác, sau đó đưa vào sản xuất đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đến giữa tháng 6/2017 tái sinh và hoạt hóa xúc tác lần 2. Xúc tác đã đến giai đoạn cuối nên việc khống chế nhiệt độ xúc tác có chiều hướng tăng nhanh hơn so với trước, làm cho khoảng thời gian giữa 2 lần tái sinh giảm đáng kể.

Công tác đầu tư: Đầu tư mới thiết bị lọc dịch công tác X1103E và đưa vào vận hành đã phát huy tác dụng tốt, giảm lượng bụi bán vào xúc tác, duy trì được hiệu suất Hydro hóa, kéo dài được thời gian sản xuất giữa hai lần tái sinh, góp phần tăng tuổi thọ của xúc tác.

Công tác sửa chữa lớn: Trong tháng 8/2017 đã sửa chữa thay thế thiết bị trao đổi nhiệt E1101 với giá trị 231 triệu đồng để đưa vào hoạt động đạt hiệu quả.

Công tác quản lý thiết bị: thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị. Trong năm 2017 đã chế tạo và lắp đặt bể thải nhà xưởng

chính bằng thép không gỉ, lắp đặt thêm bơm tăng áp nước khử khoáng, thay mới PLC máy lạnh M3401A, định kỳ thay vải lọc các bộ lọc X1103A/D, X1501, X1502, X1101, thay lọc không khí X1201, thay dầu máy nén khí ly tâm. thay Acqui UPS, tụ bù trung áp, 02 lần thay modul nhiệt độ của máy nén khí SAMSUNG, thay 03 card trạm DCS, xử lý dò đường hơi nước vào E1101; tận dụng FT-1607 không sử dụng để đầu phối van điều tiết không chế nhiệt độ dịch thiết bị trao đổi nhiệt E1101, định kỳ bảo dưỡng, thay vòng bi các động cơ điện, hiệu chỉnh các van và định vị van điều tiết, sơn chống gỉ đường ống, lan can, sàn thao tác.

Công tác quản lý định mức tiêu hao năm 2017: Các định mức cơ bản thực hiện thấp hơn định mức kế hoạch giao riêng định mức hơi nước 0,49 Mpa cao hơn định mức kế hoạch, nguyên nhân do xúc tác Paladi đã đến cuối chu kỳ sử dụng, độ hoạt hóa giảm cần sử dụng hơi nước để gia nhiệt dịch công tác trước khi vào tháp Hydro hóa nhằm tăng hiệu suất phản ứng để duy trì năng suất, sản lượng của dây chuyền. Giá trị tiết kiệm do giảm định mức năm 2017 so với kế hoạch Hội đồng quản trị giao là 1.541,8 triệu đồng, giảm so với định mức thực hiện năm 2016 là 644,74 triệu đồng góp phần giảm giá thành sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Không chế nồng độ sản phẩm xuất bán hợp lý, sản phẩm sản xuất ra đạt chất lượng theo tiêu chuẩn TCCS 01:2011/HPCO đã công bố, được thị trường chấp nhận.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu:

Tiếp tục hỗ trợ và cùng các nhà phân phối của Công ty duy trì và mở rộng thị phần, ưu tiên phát triển thị trường Miền Bắc và tiêu thụ sản phẩm loãng. Sản phẩm sản xuất ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó. Công ty phải cân đối lượng hàng tồn kho hợp lý để cung cấp cho thị trường Miền Bắc khi phải ngừng sản xuất vì không có nguyên liệu đầu vào, năm 2017 đã tiêu thụ 8.568,1 tấn H_2O_2 quy nồng độ 50%, trong đó tiêu thụ tại thị trường Miền Bắc là 7495 tấn chiếm 87.48% sản lượng tiêu thụ, giá bán bình quân đạt 6.684.476 đồng/tấn quy nồng độ 50% bằng 100,23% so với kế hoạch năm và bằng 100,31% so với cùng kỳ năm 2016.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Việc tổ chức sản xuất và bố trí lao động của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do thời gian dừng máy dài ngày, tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2017 là 59 người, trong năm có 4 trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động, tuyển mới được 02 lao động. Để đáp ứng yêu cầu lao động cho sản xuất trong tình trạng thiếu lao động, Công ty đã yêu cầu người lao động làm thêm giờ, một số cương vị chuyển sang chế độ làm việc 3 ca 3 kíp. Những đợt dừng máy dài ngày do không có việc làm đã bố trí cho người lao động nghỉ hết công nghỉ bù, nghỉ phép, cuối cùng mới bố trí nghỉ chờ việc.

Tiền lương sản phẩm bình quân của người lao động Công ty năm 2017 đạt 6,22 triệu đồng/người/tháng.

Tiếp tục triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau khi có người nghỉ.

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

Công tác kế hoạch: Kế hoạch hàng tháng, quý được xây dựng sát với thực tế từng thời điểm và được ban hành và triển khai thực hiện.

Công tác quản lý vật tư: Duy trì số lượng vật tư tồn kho hợp lý đáp ứng đủ cho sản xuất. Việc quản lý giá vật tư đầu vào đã được thực hiện tốt, đúng Quy định về công tác mua vật tư của Công ty. Vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi Công ty không có nhu cầu sử dụng được bán để thu hồi vốn, năm 2017 đã bán thu hồi được 52,2 triệu đồng.

Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu Ôxy già giúp cho Công ty xác định được giá bán hợp lý, xây dựng giá bán sản phẩm Ôxy già nồng độ 27,5%, 30% và 35% hợp lý để cạnh tranh với các nhà nhập khẩu Ôxy già, kết quả đã tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm loăng và mang lại hiệu quả cho Công ty.

Triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là HPH và chính thức được giao dịch trên thị trường Upcom từ ngày 28/12/2017.

Trong năm 2017, Công ty đã cân đối nguồn thu, ưu tiên trả nợ trả gốc và lãi vay vốn đầu tư và đã trả nợ Ngân hàng được 633.700 Đô la Mỹ tương đương 14,428 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư từ 3,864 triệu Đô la Mỹ xuống còn 3,230 triệu Đô la Mỹ. Để đảm bảo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo, Công ty đã làm việc với các ngân hàng tài trợ vốn và đã hoàn thành việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc vốn vay đầu tư.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2018
VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Đặc điểm tình hình:

Các nguyên nhân sau sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty:

1. Quỹ thời gian cho sản xuất của Công ty phụ thuộc vào số ngày Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc cung cấp nguyên nhiên liệu, động lực như khí Hydro, hơi nước và điện cho Công ty.

2. Thiết bị dây chuyền sản xuất của Công ty sau hơn 6 năm đi vào hoạt động đã đến giai đoạn cần trung đại tu theo kế hoạch, xúc tác paladi đã đến cuối chu kỳ sử dụng, phải thay thế sẽ làm tăng chi phí sản xuất của Công ty.

3. Giá điện và giá một số hóa chất nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh từ cuối năm 2017 làm tăng chi phí đầu vào, tỷ giá đồng Đôla Mỹ có xu hướng tăng sẽ ảnh hưởng đến quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Mục tiêu, kế hoạch năm 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	So với TH 2017 (%)
*	Thời gian sản xuất	ngày	280	112,7
I	Sản lượng sản phẩm			
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	8.600	105,5
1.1	Ôxy già 50%	tấn	7.411	101,4
1.2	Ôxy già 35%	tấn	200	70,1
1.3	Ôxy già 30%	tấn	900	336,5
1.4	Ôxy già 27,5%	tấn	900	101,3
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	tấn	8.550	99,8
2.1	Ôxy già 50%	tấn	7.375	95,5
2.2	Ôxy già 35%	tấn	200	70,0
2.3	Ôxy già 30%	tấn	900	336,5
2.4	Ôxy già 27,5%	tấn	900	101,3
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	61.920.000	105,5
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	3.729.292	107,2
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	3.315.375	1.435,2
V	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	-135.634	8,8
VI	Lao động tiền lương			
1	Tổng số lao động	người	68	111,5
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	100,0
1.2	Người lao động	người	65	114,0
2	Tổng quỹ lương người lao động	1000 đ	4.853.085	107,5
2.1	Tổng quỹ lương theo đơn giá sản phẩm	1000 đ	4.752.660	109,7
2.2	Quỹ lương chờ việc	1000 đ	100.425	54,9
3	Tiền lương sản phẩm người lao động	đ/ng/th	6.093.154	97,9
VII	Doanh thu tiêu thụ Ôxy già	1000đ	62.535.000	109,2
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	5.887.781	80,4
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	240	-

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

Khai thác tốt năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, tận dụng tối đa quỹ thời gian khi Công ty Đạm sản xuất bình thường để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

Kiểm soát các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, kiểm tra hệ thống đo lường đảm bảo phản ánh trung thực số liệu tiêu hao để phục vụ cho điều hành sản xuất và hạch toán nội bộ.

Công tác sửa chữa lớn: Tập trung chỉ đạo triển khai lập phương án và lên kế hoạch mua 04 tấn xúc tác Paladi, đại tu máy nén khí SAMSUNG.

Rà soát và lập nhu cầu vật tư dự phòng cho sản xuất để triển khai mua, đặc biệt là vật tư dự phòng thay thế cho các thiết bị động, đơn chiếc phải mua chính hãng của nhà sản xuất hoặc mua ở thị trường nước ngoài.

Làm tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị, không để xảy ra sự cố do chủ quan.

2.2 Công tác tiêu thụ:

Tiếp tục tìm kiếm và phát hiện các đơn vị sử dụng Ôxy già ở khu vực Miền Bắc, thống kê nhu cầu sử dụng, xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng.

Cân đối lượng hàng sản xuất và tiêu thụ nhằm giữ ổn định và phát triển thị phần Miền Bắc, Định giá bán sản phẩm Ôxy già nồng độ 27,5%, 30,5% và 35% hợp lý, linh hoạt để phát huy được lợi thế của Công ty, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nhằm tăng sản lượng tiêu thụ mang lại hiệu quả cho công ty.

Ưu tiên phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm loãng, đáp ứng đủ nhu cầu sản phẩm loãng cho thị trường.

Duy trì việc cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già để có chính sách giá bán phù hợp với giá thị trường.

2.3 Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

Nắm bắt, cập nhật diễn biến giá cả vật tư, chế độ chính sách của Nhà nước để xây dựng kế hoạch sát với thực tế nhằm điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Cân đối đảm bảo vật tư cho sản xuất với việc hạn chế tối đa lượng tồn kho nhằm giảm chi phí lãi vay vốn lưu động. Kiểm soát giá mua vật tư theo đúng quy định mua vật tư của Công ty.

Theo phương án trả nợ gốc vốn vay đầu tư mới, trong năm 2018 Công ty phải trả nợ gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng là 366.246 Đôla Mỹ tương đương 8,332 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư đầu từ 3,230 triệu Đô la Mỹ xuống còn 2.864 triệu Đô la Mỹ. Thu xếp đủ vốn cho sửa chữa lớn năm 2018. Tiếp tục cân đối dòng tiền để đẩy nhanh tiến độ trả nợ gốc khi điều kiện cho phép nhằm giảm lãi vay vốn đầu tư.

2.4 Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Tiếp tục chương trình đào tạo nâng cao trình độ để một người có thể đảm nhận được một vài cương vị sản xuất khác nhau, điền khuyết khi có người nghỉ;

Tuyển bổ sung số công nhân vận hành hóa để đảm bảo số lao động cần thiết duy trì sản xuất. Phân đầu giữ ổn định tiền lương và thu nhập cho người lao động. Thời gian ngừng máy sẽ bố trí cho người lao động nghỉ chờ việc sau khi giải quyết hết các công nghỉ chế độ như nghỉ bù, nghỉ phép.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm.

2.5 Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường: duy trì thực hiện tốt theo quy định.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty tiếp tục có lãi, xong Công ty vẫn chưa có nguồn để chia cổ tức cho cổ đông do lỗ lũy kế các năm trước. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả để có tiền trả nợ gốc các Ngân hàng theo kế hoạch, cắt hết lỗ lũy kế các năm trước và có lãi để tạo nguồn chia cổ tức cho cổ đông.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

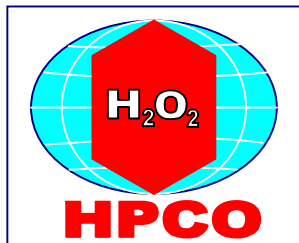


Phạm Hoàng Hưng

Nơi nhận:

- HĐQT công ty;
- Lưu VT, NVTH.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 4
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2017**

Bắc Giang, Năm 2018

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thông qua tại đại hội cổ đông thường niên năm 2014.

Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước ĐHĐCĐ về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

PHẦN I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ của HPCO trong việc quản trị, điều hành công ty:

- Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng quản trị tương đối nề nếp, có kế hoạch cụ thể, duy trì các cuộc họp đúng quy định của điều lệ Công ty. Trong các cuộc họp có ra các nghị quyết để Giám đốc thực hiện. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng với pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

- Giám đốc công ty thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, một số công việc chưa thực hiện đều có báo cáo giải trình tại các cuộc họp của Hội đồng.

- Các phòng bộ phận chức năng của Công ty có sự phối hợp hoạt động tốt. Khối kỹ thuật sản xuất đã làm chủ được công nghệ sản xuất, khi đủ điều kiện đầu vào cho sản xuất đã duy trì chạy máy ổn định, an toàn, đạt sản lượng cao, chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu của thị trường. Các định mức đều giảm so với định mức mà Hội đồng quản trị giao, riêng hơi nước 0,49 Mpa cao hơn định mức giao, nguyên nhân do xúc tác Paladi đổ đến cuối chu kỳ sử dụng, cần sử dụng hơi nước để gia nhiệt dịch công tác trước khi vào tháp Hydro hóa nhằm tăng hiệu suất phản ứng để duy trì năng suất, sản lượng của dây chuyền; khối nghiệp vụ đã chủ động nắm bắt những vấn đề kinh tế; đã chủ động bàn bạc với các Ngân hàng để cơ cấu lại khoản vay đầu tư; Triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là HPH và chính thức được giao dịch trên thị trường Upcom từ ngày 28/12/2017. Thường xuyên cập nhật những quy định về hạch toán của Nhà nước để xây dựng báo cáo tài chính đúng chuẩn mực.

- Việc mở sổ kế toán, tổ chức hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

- Trong năm có thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, đã duy trì hoạt động của Hội đồng quản trị và có những chỉ đạo giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định, đã đạt được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2017, Ban Kiểm soát đã duy trì kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Giám đốc Công ty. Việc trao đổi công việc của các thành viên Ban kiểm soát chủ yếu thông qua các phương tiện như Điện thoại, internet:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

- Cử người tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến hạch toán kế toán, các biện pháp liên quan đến tiền lương, tiêu thụ sản phẩm và những ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

3. Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính năm 2017:

3.1. Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Báo cáo tài chính năm 2017 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2017

- Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán được lập theo đúng quy định của Luật kế toán và các quy định của chuẩn mực kế toán đủ độ tin cậy.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN (So với KHSXKD theo nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2017)

DVT: đồng

BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN (Dạng rút gọn)

Đvt:

Đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số đầu kỳ 01/01/2017	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	21.677.786.492	17.481.927.146	4.321.846.199
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.680.363.322	5.179.573.936	7.500.789.386
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.638.234.071	3.347.673.412	-1.709.439.341
IV. Hàng tồn kho	6.846.675.801	8.316.179.647	-1.469.503.846
V. Tài sản ngắn hạn khác	512.513.298	638.500.151	0
B. Tài sản dài hạn	146.539.873.205	159.206.576.447	-12.666.703.242
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	0
II. Tài sản cố định	146.539.873.205	159.206.576.447	-12.666.703.242
III. Bất động sản đầu tư	-	-	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	0
V. Tài sản dài hạn khác	-	-	0
Tổng cộng tài sản	168.217.659.697	176.688.503.593	-8.344.857.043
NGUỒN VỐN			
A. Nợ phải trả	81.448.188.429	97.251.327.544	-15.803.139.115
I. Nợ ngắn hạn	16.315.466.869	28.912.132.964	-12.596.666.095
II. Nợ dài hạn	65.132.721.560	68.339.194.580	-3.206.473.020
B. Vốn chủ sở hữu	86.769.471.268	79.437.176.049	7.332.295.219
I. Vốn chủ sở hữu	86.769.471.268	79.437.176.049	7.332.295.219
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	0
Tổng cộng nguồn vốn	168.217.659.697	176.688.503.593	-8.470.843.896

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.325.478.094	53.933.261.818	3.392.216.276
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.325.478.094	53.933.261.818	3.392.216.276
4. Giá vốn hàng bán	38.977.600.189	36.563.615.958	2.413.987.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.347.877.905	17.369.645.860	978.232.045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	193.327.179	38.916.005	154.411.174
7. Chi phí tài chính	4.972.491.632	6.970.589.542	-1.998.097.910
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>4.967.937.632</i>	<i>6.060.645.082</i>	<i>-1.092.707.450</i>
8. Chi phí bán hàng	1.090.801.493	2.114.997.569	-1.024.196.076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.161.992.627	4.864.224.931	297.767.696

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.315.919.332	3.458.749.823	3.857.169.509
11. Thu nhập khác	16.428.000	645.887.307	-629.459.307
12. Chi phí khác	52.113	4.187.810	-4.135.697
13. Lợi nhuận khác	16.375.887	641.699.497	-624.963.610
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.332.295.219	4.100.449.320	3.231.845.899
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.332.295.219	4.100.449.320	13.526.889.689
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	873	488	385

PHẦN II NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Năm 2017 do việc cung cấp điện, khí nguyên liệu của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc không liên tục, quỹ thời gian cho sản xuất giảm là nguyên nhân không đạt sản lượng sản xuất theo kế hoạch đề ra. Công ty đã mở rộng được thị phần tiêu thụ sản phẩm ở thị trường Miền Bắc, tìm kiếm khách hàng để tiêu thụ sản phẩm loãng nồng độ 27,5% và 30% đã góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2017 tiếp tục có lãi, bước đầu bù đắp được vốn chủ sở hữu.

- Trong năm 2017 tỷ giá đồng Đôla Mỹ giữ tương đối ổn định, tuy nhiên năm 2018 đã có những diễn biến không tốt ngay từ đầu năm.

- Dây chuyền đã đi vào sản xuất được hơn 6 năm. Các thiết bị đã đến chu kỳ sửa chữa lớn, cụ thể trong năm 2018 sẽ phải thay mới xúc tác, việc phải bỏ ra số tiền lớn để thay xúc tác càng làm tăng áp lực dòng tiền lên Công ty và làm tăng chi phí sản xuất.

- Trước những thách thức như trên đòi hỏi toàn bộ người lao động Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc phải có những nỗ lực để duy trì sản xuất ổn định và tăng cường cải thiện đời sống người lao động. Tại đại hội cổ đông này Ban kiểm soát xin báo cáo và đề nghị Đại hội cổ đông có những quyết sách hợp lý nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn Công ty, trả lãi và gốc vốn vay đúng hạn, lợi nhuận còn lại sẽ để chia cổ tức cho cổ đông của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN

- Hội đồng QT
- Giám Đốc
- Các Thành viên
- Lưu VT, BKS

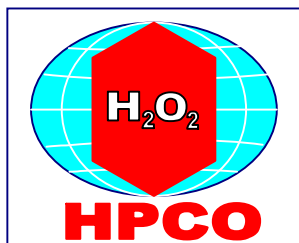



Lê Thanh Hiếu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Thu Nga

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
NĂM 2017**

Bắc Giang, Năm 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	05 - 25
- Bảng cân đối kế toán	05 - 06
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Trung	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 05/07/2017 theo biên bản họp HĐQT)
Ông Chu Anh Dũng	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 05/07/2017 theo biên bản họp HĐQT)
Ông Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên	
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đoàn Như Thương	Trưởng ban	(miễn nhiệm ngày 05/07/2017 theo biên bản họp HĐQT)
Bà Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban	(bổ nhiệm ngày 05/07/2017 theo biên bản họp HĐQT)
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Số: 280218.020/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Ann

Vũ Xuân Tùng

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1942-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.677.786.492	17.481.927.146
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.680.363.322	5.179.573.936
111	1. Tiền		12.680.363.322	5.179.573.936
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.638.234.071	3.347.673.412
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.444.550.200	2.850.687.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	269.940.050
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	193.683.871	227.045.762
140	IV. Hàng tồn kho	6	6.846.675.801	8.316.179.647
141	1. Hàng tồn kho		6.846.675.801	8.316.179.647
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		512.513.298	638.500.151
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	73.858.219
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	512.513.298	564.641.932
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		146.539.873.205	159.206.576.447
220	II. Tài sản cố định		146.539.873.205	159.206.576.447
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	146.539.873.205	159.206.576.447
222	- Nguyên giá		205.690.457.869	205.246.080.785
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.150.584.664)	(46.039.504.338)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		168.217.659.697	176.688.503.593

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		81.448.188.429	97.251.327.544
310	I. Nợ ngắn hạn		16.315.466.869	28.912.132.964
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	4.938.864.181	4.061.445.741
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	166.400.390	22.921.690
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	281.238.973	271.330.913
314	4. Phải trả người lao động		1.024.568.260	945.891.813
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	335.384.337	550.042.746
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.230.053.688	1.545.530.661
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8	8.327.684.040	21.501.096.400
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.273.000	13.873.000
330	II. Nợ dài hạn		65.132.721.560	68.339.194.580
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8	65.132.721.560	68.339.194.580
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		86.769.471.268	79.437.176.049
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	86.769.471.268	79.437.176.049
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.501.266.000	5.501.266.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.731.794.732)	(10.064.089.951)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(10.064.089.951)	(14.164.539.271)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		7.332.295.219	4.100.449.320
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		168.217.659.697	176.688.503.593


Ký thay: 
Nguyễn Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Thân Thị Hà

Phụ trách kế toán

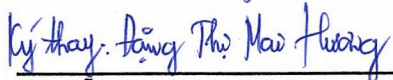



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	57.325.478.094	53.933.261.818
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.325.478.094	53.933.261.818
11	4. Giá vốn hàng bán	16	38.977.600.189	36.563.615.958
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.347.877.905	17.369.645.860
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	193.327.179	38.916.005
22	7. Chi phí tài chính	18	4.972.491.632	6.970.589.542
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.967.937.632	6.060.645.082
25	8. Chi phí bán hàng	19	1.090.801.493	2.114.997.569
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	5.161.992.627	4.864.224.931
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.315.919.332	3.458.749.823
31	11. Thu nhập khác	21	16.428.000	645.887.307
32	12. Chi phí khác		52.113	4.187.810
40	13. Lợi nhuận khác		16.375.887	641.699.497
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.332.295.219	4.100.449.320
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.332.295.219	4.100.449.320
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	873	488


Ký thay: 

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2018



Thân Thị Hà
Phụ trách kế toán




Phạm Hoàng Hưng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

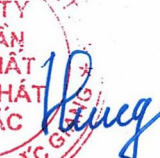
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.332.295.219	4.100.449.320
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.111.080.326	13.086.392.856
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(153.395.980)	909.944.460
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.880.699)	(38.916.005)
06	- Chi phí lãi vay		4.967.937.632	6.060.645.082
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.235.036.498	24.118.515.713
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.761.567.975	(3.426.385.004)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.469.503.846	(2.650.177.761)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		596.926.274	(580.487.361)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		73.858.219	(73.858.219)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.983.594.041)	(5.971.528.336)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.600.000)	(6.100.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.150.698.771	11.409.979.032
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(444.377.084)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.880.699	38.916.005
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(421.496.385)	38.916.005
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		591.360.000	14.728.976.926
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(16.817.849.400)	(26.856.788.026)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.923.600)	(211.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.228.413.000)	(12.128.022.300)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.500.789.386	(679.127.263)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.179.573.936	5.858.701.199
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	12.680.363.322	5.179.573.936


Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2018


Thân Thị Hà
Phụ trách kế toán




Phạm Hoàng Hưng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký cũng như vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 84.000.000.000 đồng; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2017, Công ty tập trung bán hàng vào khu vực miền Bắc nhiều hơn và giảm lượng bán vào khu vực miền Nam nên tiết kiệm được chi phí hỗ trợ vận chuyển. Đồng thời, Công ty tiếp tục thanh toán nợ gốc vay theo lịch trả nợ nên chi phí lãi vay giảm tương ứng. Điều này khiến cho kết quả kinh doanh năm 2017 cao hơn nhiều so với năm 2016.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền mặt	240.576.559	155.936.733
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.439.786.763	5.023.637.203
	12.680.363.322	5.179.573.936

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.138.178.800	1.630.789.600
- Công ty TNHH Trần Lê Anh	211.970.000	705.962.400
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đắc Trường Phát	-	240.527.900
- Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	-	208.692.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Á	36.527.200	38.071.200
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Á Châu	50.225.900	-
- Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	4.875.500	26.643.700
- Công ty Cổ phần PFC Group	2.772.000	-
- Công ty TNHH An Hòa	800	800
	1.444.550.200	2.850.687.600

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	905	-
- Tạm ứng	175.800.000	-	202.900.000	-
- Phải thu khác	17.883.871	-	24.144.857	-
	193.683.871	-	227.045.762	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	6.115.663.969	-	5.840.820.873	-
- Công cụ, dụng cụ	139.112.000	-	129.781.000	-
- Thành phẩm	591.899.832	-	2.345.577.774	-
	6.846.675.801	-	8.316.179.647	-

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.054.643.113	178.675.983.127	345.454.545	170.000.000	205.246.080.785
- Mua trong năm	-	444.377.084	-	-	444.377.084
Số dư cuối năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	170.000.000	205.690.457.869
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.175.358.905	41.575.559.935	217.279.951	71.305.547	46.039.504.338
- Khấu hao trong năm	1.015.465.404	11.946.463.406	115.151.520	33.999.996	13.111.080.326
Số dư cuối năm	5.190.824.309	53.522.023.341	332.431.471	105.305.543	59.150.584.664
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	21.879.284.208	137.100.423.192	128.174.594	98.694.453	159.206.576.447
Tại ngày cuối năm	20.863.818.804	125.598.336.870	13.023.074	64.694.457	146.539.873.205

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 146.462.155.674 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.636.364 VND.

8. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	1.787.746.400	1.787.746.400	591.360.000	2.379.106.400	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	19.713.350.000	19.713.350.000	3.206.473.020	14.592.138.980	8.327.684.040	8.327.684.040
	<u>21.501.096.400</u>	<u>21.501.096.400</u>	<u>3.797.833.020</u>	<u>16.971.245.380</u>	<u>8.327.684.040</u>	<u>8.327.684.040</u>
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	88.052.544.580	88.052.544.580	-	14.592.138.980	73.460.405.600	73.460.405.600
	<u>88.052.544.580</u>	<u>88.052.544.580</u>	<u>-</u>	<u>14.592.138.980</u>	<u>73.460.405.600</u>	<u>73.460.405.600</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(19.713.350.000)	(19.713.350.000)	(3.206.473.020)	(14.592.138.980)	(8.327.684.040)	(8.327.684.040)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>68.339.194.580</u>	<u>68.339.194.580</u>			<u>65.132.721.560</u>	<u>65.132.721.560</u>

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn						31/12/2017		01/01/2017	
Số hợp đồng	Thời gian đáo hạn	Loại tiền	Lãi suất	Hình thức đảm bảo		Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi
						USD	VND	USD	VND
0001-018-01/HĐTD ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	07/09/2020	USD	6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2		1.619.879	36.836.048.460	1.947.879	44.372.683.620
01/10/ĐTDA/BG ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	07/09/2020	USD	6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2		1.610.924	36.624.357.140	1.916.624	43.679.860.960
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						3.230.803	73.460.405.600	3.864.503	88.052.544.580
							(8.327.684.040)		(19.713.350.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng							65.132.721.560		68.339.194.580

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp				
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.916.331.381	3.916.331.381	4.061.445.741	4.061.445.741
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	982.734.800	982.734.800	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	33.000.000	33.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần EJC	6.798.000	6.798.000	-	-
	4.938.864.181	4.938.864.181	4.061.445.741	4.061.445.741
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	3.916.331.381	3.916.331.381	4.061.445.741	4.061.445.741

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đắc Trường Phát	142.076.900	-
- Công ty Cổ phần Thế giới Đá khô	21.463.500	-
- Công ty Cổ phần PFC Group	-	13.405.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	2.859.990	9.516.690
	166.400.390	22.921.690

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	271.330.913	3.487.911.424	3.478.063.364	-	281.178.973
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	13.948.332	13.888.332	-	60.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	564.641.932	-	52.128.634	-	512.513.298	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.216.168	3.216.168	-	-
	564.641.932	271.330.913	3.560.204.558	3.498.167.864	512.513.298	281.238.973

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	73.460.337	89.116.746
- Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	261.924.000	460.926.000
	335.384.337	550.042.746

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	27.350.935	13.897.515
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	900.000	900.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	574.145.680	576.069.280
- Vật tư nhập kho chưa thanh toán	84.162.740	747.066.291
- Quỹ thưởng BGĐ và các quỹ công đoàn	99.653.976	113.153.976
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	61.757.524	38.957.524
- Chi phí hỗ trợ vận chuyển phải trả khách hàng	351.624.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.458.833	55.486.075
	1.230.053.688	1.545.530.661

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(14.824.428.771)	74.676.837.229
Lãi trong năm trước	-	-	4.100.449.320	4.100.449.320
Tăng khác	-	-	659.889.500	659.889.500
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(10.064.089.951)	79.437.176.049
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	(10.064.089.951)	79.437.176.049
Lãi trong năm nay	-	-	7.332.295.219	7.332.295.219
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	(2.731.794.732)	86.769.471.268

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	64,56%	54.230.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	11,90%	9.998.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	6,67%	5.600.000.000
Các cổ đông khác	16,87%	14.172.000.000
	100%	84.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ Công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.501.266.000	5.501.266.000
	5.501.266.000	5.501.266.000

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm sản xuất	57.325.478.094	53.933.261.818
	57.325.478.094	53.933.261.818
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	17.700.000	-

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.977.600.189	36.563.615.958
	38.977.600.189	36.563.615.958

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	22.880.699	38.916.005
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.050.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	153.395.980	-
	193.327.179	38.916.005

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.967.937.632	6.060.645.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.554.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	909.944.460
	4.972.491.632	6.970.589.542

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	299.214.497	306.450.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.999.996	33.999.996
Chi phí khác bằng tiền	757.587.000	1.774.546.800
	1.090.801.493	2.114.997.569

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.903.361	64.542.266
Chi phí nhân công	3.181.609.540	2.995.679.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.104.764	251.104.764
Thuế, phí, lệ phí	31.081.791	102.170.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	352.093.543	316.244.380
Chi phí khác bằng tiền	1.312.199.628	1.134.483.517
	5.161.992.627	4.864.224.931

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thuế được giảm	-	616.770.566
Hoàn nhập chi phí hỗ trợ vận chuyển đã trích năm trước	16.428.000	18.739.000
Các khoản nợ khác không phải trả	-	10.377.741
	16.428.000	645.887.307

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.332.295.219	4.100.449.320
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.332.295.219)	(4.100.449.320)
- Chuyển lỗ các năm trước	(7.332.295.219)	(4.100.449.320)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.332.295.219	4.100.449.320
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.332.295.219	4.100.449.320
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	873	488

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.747.815.549	22.174.866.568
Chi phí nhân công	6.620.514.530	6.283.475.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.111.080.326	13.086.392.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.052.543	365.213.380
Chi phí khác bằng tiền	2.285.253.419	3.205.680.459
	43.476.716.367	45.115.628.932

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.680.363.322	-	5.179.573.936	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.638.234.071	-	3.077.733.362	-
	14.318.597.393	-	8.257.307.298	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	73.460.405.600	89.840.290.980
Phải trả người bán, phải trả khác	6.168.917.869	5.606.976.402
Chi phí phải trả	335.384.337	550.042.746
	79.964.707.806	95.997.310.128

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.680.363.322	-	-	12.680.363.322
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.638.234.071	-	-	1.638.234.071
	14.318.597.393	-	-	14.318.597.393
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.179.573.936	-	-	5.179.573.936
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.077.733.362	-	-	3.077.733.362
	8.257.307.298	-	-	8.257.307.298

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	8.327.684.040	42.208.733.520	22.923.988.040	73.460.405.600
Phải trả người bán, phải trả khác	6.168.917.869	-	-	6.168.917.869
Chi phí phải trả	335.384.337	-	-	335.384.337
	14.831.986.246	42.208.733.520	22.923.988.040	79.964.707.806
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	21.501.096.400	31.854.257.000	36.484.937.580	89.840.290.980
Phải trả người bán, phải trả khác	5.606.976.402	-	-	5.606.976.402
Chi phí phải trả	550.042.746	-	-	550.042.746
	27.658.115.548	31.854.257.000	36.484.937.580	95.997.310.128

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 02/01/2018, Công ty đã ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung cho các hợp đồng tín dụng 0001-018-01/HĐTD ngày 15/07/2010 với Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và hợp đồng tín dụng 01/10/ĐTDA/BG ngày 15/07/2010 với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang, theo đó số dư nợ gốc vay dài hạn tại 31/12/2017 được cơ cấu lại lịch trả nợ giãn ra thêm 4 năm (trả hết gốc vay vào năm 2024 thay vì năm 2020 theo lịch cũ).

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh H₂O₂ và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua nguyên vật liệu			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	12.606.610.298	13.192.952.176
Mua dịch vụ			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	8.330.000	6.860.000
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	17.700.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	3.916.331.381	4.061.445.741

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	785.265.931	749.523.667
trong đó thu nhập của Giám đốc	294.872.907	307.594.132

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Ký thay: Đặng Thị Mai Hương
Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu
Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2018


Thân Thị Hà
Phụ trách kế toán


Phạm Hoàng Hưng
Giám đốc

